

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 09/01/2023

V/v: Tranh chấp về chia tài  
sản chung của vợ chồng sau  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thanh Bình.

*Các Thẩm phán:*

Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Trần Thị Lệ Uyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05/10/2022 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 315/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Q2 bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5979/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 29/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19896/2022/QĐPT ngày 21/12/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Mai Yên N, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số X1 Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020) (có mặt)

Địa chỉ: X2 X3, P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số X4 (lầu 2) Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Ông Vũ Văn T - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn - bà Mai Yến N (có ông Vũ Văn T đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Bà Mai Yến N và ông Nguyễn Công H trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo Bản án số 577/2019/HNGĐ-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Q2 và Quyết định số 85/2020/QĐ-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, khi ly hôn tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân bà N và ông H tạo lập được những tài sản chung như sau:

- Bất động sản tại địa chỉ: Số X4 (lầu 2 trước) đường Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 5ED) do bà N và ông H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: X5 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/8/2001;

- Bất động sản tại địa chỉ: X6 đường Đ3, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 74/42C) do bà N và ông H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: X7 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/1999;

- Bất động sản tại địa chỉ: Số X8 đường Đ4, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 101/2) do ông H đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: X9, sổ vào sổ cấp GCN: X10 do Ủy ban nhân dân quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2014;

Bà Chi khởi kiện yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản chung và đề nghị hình thức phân chia như sau:

- Đối với 5ED, hiện ông H đang quản lý và trực tiếp sử dụng nhà do đó giao cho ông H được toàn quyền sở hữu.

- Đối với 74/42C và 101/2 hiện đang bỏ trống nên bà Chi đề nghị được toàn quyền sở hữu. Bà Chi sẽ trả cho ông H số tiền chênh lệch theo chứng thư thẩm định giá.

*\* Bị đơn - ông Nguyễn Công H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng.*

Tại Bản án số 315/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 6 Điều 68; Điều 91; Điều 93 và khoản 1 Điều 96; khoản 3 Điều 200;

Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 28; 33; 59; 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 213, 218, 220 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật người cao tuổi;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2008.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Bà Mai Yến N và ông Nguyễn Công H mỗi người được hưởng 50% tổng giá trị các tài sản gồm: Bất động sản tại địa chỉ Số X4 (lầu 2 trước) đường Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh; Bất động sản tại địa chỉ X6 đường Đ3, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh và bất động sản tại địa chỉ số X8 đường Đ4, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể bà Mai Yến N và ông Nguyễn Công H mỗi người được hưởng 7.514.500.000 đồng.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Mai Yến N và ông Nguyễn Công H không tự thực hiện việc phân chia tài sản theo quyết định của Tòa án nêu trên thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán các tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Số X4 (lầu 2 trước) đường Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh; X6 đường Đ3, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh và tại số X8 đường Đ4, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh để chia...”

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 11/7/2022, ông Vũ Văn T - đại diện theo ủy quyền của bà N kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa Bản án sơ thẩm chia cho bà N được nhận 74/42C và 101/2, bà N sẽ hoàn số tiền chênh lệch cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*Nguyên đơn - bà Mai Yến N (có ông Vũ Văn T đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

bà N xin thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo như sau:

- bà N nhận 101/2, bà N sẽ hoàn số tiền chênh lệch cho ông H.
- Giao cho ông H nhận 5ED và 74/42C.

Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc nhận hiện vật là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, có sự thiên vị cho ông H vì hiện tại ông H là người quản lý, sử dụng cả 03 bất động sản nêu trên, đồng thời gây khó khăn cho cơ quan

thi hành án. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chia cho bà N được nhận hiện vật như nội dung thay đổi như trên.

*\* Bị đơn - ông Nguyễn Công H vắng mặt.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của ông T làm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo:

Trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà N có 03 tài sản là 5ED, 74/42C và 101/2. Tòa án cấp sơ thẩm phân chia 03 tài sản trên là đúng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do ông H không có mặt, bà N không quản lý tài sản nên không giao hiện vật nào cho các đương sự là không đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không trả lời là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. bà N mặc dù không quản lý các tài sản chung nhưng bà N đang có nhu cầu về nhà ở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chia hiện vật cho bà N là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N xin nhận 101/2; giao cho ông H 5ED và 74/42C, bà N sẽ hoàn lại số tiền chênh lệch cho ông H. Xét thấy, bà N yêu cầu được nhận 101/2 là có cơ sở. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn T - người đại diện theo ủy quyền của bà N làm trong thời hạn luật định.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về quan hệ tranh chấp: bà N và ông H kết hôn năm 1979, đã ly hôn theo Bản án số 577/2019/HNGĐ-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Q2 và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 85/2020/QĐ-PT ngày

21/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó phân tài sản chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 25/5/2020, bà N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” là không đúng, nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu khởi kiện:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 (BL.32), bản tự khai (BL.33) bà N yêu cầu phân chia ba tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn là 5ED, 74/42C và 101/2. Cụ thể bà N yêu cầu được nhận hiện vật là 5ED; giao cho ông H nhận hiện vật là 74/42C. Còn 101/2 chia đôi, bà N nhận giá trị bằng tiền hoặc nhận hiện vật.

Tại Bản tự khai ngày 22/3/2022 (BL.45), Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (BL.222), Biên bản về việc không T hành hòa giải được (BL.223), Bản ý kiến ngày 13/6/2022 (BL.48-49) và tại Biên bản phiên tòa (BL.246), bà N đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện cụ thể bà N yêu cầu được nhận hiện vật là 74/42C và 101/2, bà N sẽ hoàn lại cho ông H  $\frac{1}{2}$  giá trị bằng tiền theo kết quả định giá của Công ty thẩm định giá Hoàng Quân. Giao cho ông H nhận hiện vật là 5ED.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà N có sự thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thông báo cho ông H biết về việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Q2 tham gia phiên tòa (BL.244a-b) vẫn xác định yêu cầu của bà N theo đơn khởi kiện ban đầu là giải quyết không đúng yêu cầu của đương sự.

[4.2] Về việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tại Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 1019/TB-TA ngày 22/3/2022 (BL.224-225) Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi và thông báo cho ông H biết bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là phân chia 03 tài sản chung vợ chồng là 5ED, 74/42C và 101/2, nhưng không nêu rõ yêu cầu của bà N về cách thức phân chia như thế nào là ghi không đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N, đồng thời không thông báo sự thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N cho ông H biết là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về thủ tục niêm yết:

Theo kết quả xác minh của Công an P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H hiện đang thực tế cư trú một mình tại Số X4 (lầu 2 trước) Đ1, P1, quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (BL.92), Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục niêm yết công khai nhưng có một số lần thực hiện thủ tục tổng đạt không đúng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Yến N không phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật người cao tuổi;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 315/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Yến N không phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Uyên**

**Đặng Thị Bích Loan**

**Quách Thanh Bình**

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Q2;
- VKSND quận Q2;
- Chi cục THADS quận Q2;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, (25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thanh Bình**

